

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình cải cách hành chính
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2020. Nội dung Chương trình được đăng trên Website www.omard.gov.vn (Cải cách hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- VPCP (Vụ TCHCCV);
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Lưu: VT, VPTTCCHC.



Cao Đức Phát

CHƯƠNG TRÌNH

Cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-BNN-VP
ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Chương trình cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2011-2020 (gọi tắt là Chương trình), được xây dựng trên cơ sở các nội dung Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hệ thống thể chế trong quản lý nhà nước về nông nghiệp và PTNT được hoàn thiện đồng bộ, thống nhất phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính đạt trên 80% vào năm 2020. Thông qua cải cách TTHC để hoàn thiện thể chế ngành nông nghiệp và PTNT.

3. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và PTNT từ Trung ương đến cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực và hiệu quả.

4. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất, trình độ tham mưu, xây dựng chính sách và năng lực thi hành công vụ, phục vụ nhân dân và sự nghiệp phát triển ngành nông nghiệp và PTNT; 100% các cơ quan, đơn vị của Bộ có cơ cấu cán bộ theo vị trí việc làm.

5. Cơ chế tài chính được đổi mới trong quản lý, phân bổ ngân sách, sử dụng kinh phí hành chính, đầu tư xây dựng, triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dịch vụ công; triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp khoa học, khuyến nông và dịch vụ công; đổi mới quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo quy định của nhà nước.

6. Thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO trong các hoạt động hành chính của Bộ và các cơ quan đơn vị thuộc Bộ. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông để đến năm 2020: 90% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan đơn vị thuộc Bộ được thực hiện dưới dạng điện tử; CCVC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công

việc; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động của Bộ và các đơn vị; hầu hết các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4 đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ người dân, doanh nghiệp ở mọi lúc mọi nơi trên nhiều phương tiện khác nhau, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan đơn vị thuộc Bộ đạt trên 80%.

Trọng tâm cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2011-2020 là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện chính sách tiền lương mới theo quy định nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.

II. NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Cải cách thể chế

a) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về nông nghiệp và PTNT, tập trung vào các lĩnh vực chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Trong đó chú trọng rà soát, xây dựng và hoàn thiện thể chế để quản lý theo chuỗi giá trị sản phẩm từ các yếu tố đầu vào, quy trình sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ.

b) Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL, trước hết là cải tiến quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ, cụ thể và khả thi của các văn bản QPPL.

c) Tiếp tục thực hiện đổi mới thể chế về doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ, xác định rõ vai trò quản lý của nhà nước của Bộ với vai trò chủ sở hữu tài sản, vốn của nhà nước.

d) Đổi mới và đa dạng hoá các phương pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tổng rà soát, xây dựng hệ thống TTHC đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành và trong từng lĩnh vực chuyên ngành. Thông qua rà soát TTHC để góp phần hoàn thiện thể chế; cắt giảm và nâng cao chất lượng TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý của Bộ, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp.

b) Thực hiện cải cách TTHC để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo các điều kiện phát triển nhanh, bền vững.

c) Kiểm soát chặt việc ban hành mới các TTHC của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ theo quy định của pháp luật.

d) Công khai, minh bạch tất cả các TTHC bằng các hình thức thiết thực và thích hợp; thực hiện thống nhất cách tính chi phí mà cá nhân, doanh nghiệp phải bỏ ra khi giải quyết TTHC tại các đơn vị thuộc Bộ; duy trì và cập nhật cơ sở dữ

liệu quốc gia về TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ.

d) Cải cách thủ tục giữa các đơn vị thuộc Bộ và trong nội bộ từng đơn vị thuộc Bộ. Tăng cường đối thoại với người dân, doanh nghiệp; giảm mạnh các TTHC hiện hành; công khai các chuẩn mực, quy định hành chính.

e) Thực hiện cải cách TTHC ngay trong quá trình xây dựng thể chế và cải cách TTHC để hoàn thiện thể chế.

g) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC và các quy trình hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ điều chỉnh phù hợp, nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước từ Bộ đến cơ sở phù hợp với đặc điểm, tình hình và điều kiện từng địa phương.

b) Thực hiện cơ chế phân cấp giữa Bộ và địa phương (Sở Nông nghiệp và PTNT), quy hoạch và có định hướng phát triển; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực các cấp.

c) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của các đơn vị thuộc Bộ thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “một cửa”, xây dựng cơ chế “một cửa liên thông” của Bộ; tham gia thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia; bảo đảm sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với dịch vụ đạt mức trên 80% vào năm 2020.

d) Tiếp tục sắp xếp các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, khoa học công nghệ. Tiếp tục đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tổ chức bộ máy của các đơn vị thực hiện dịch vụ công và sự nghiệp khoa học công nghệ.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

a) Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ CCVC có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp và đáp ứng sự phát triển ngành nông nghiệp và PTNT.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ CCVC có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy thực thi công vụ thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, có hiệu quả.

c) Rà soát, bổ sung các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ của cán bộ CCVC kể cả công chức lãnh đạo, quản lý trong ngành.

d) Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, xây dựng cơ cấu công chức, viên chức hợp lý gắn với vị trí việc làm.

đ) Thực hiện đầy đủ đúng quy định về đánh giá cán bộ CCVC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; quy định rõ quyền hạn tương ứng với

trách nhiệm và có chế tài nghiêm đối với cán bộ CCVC vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ.

e) Thực hiện theo quy định, hướng dẫn về tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ CCVC phù hợp với trình độ, năng lực và sở trường; thực hiện chế độ thi tuyển để bổ nhiệm, thi nâng ngạch theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

g) Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ CCVC gắn với kế hoạch, quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Bộ. Đặc biệt nâng cao kỹ năng tham mưu, đề xuất cơ chế chính sách, kỹ năng soạn thảo văn bản của cán bộ công chức.

h) Rà soát hệ thống thang bảng lương theo tiêu chuẩn và chức danh CCVC trong ngành, thực hiện các chính sách về chế độ tiền lương mới theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định của ngành về chế độ phụ cấp ngoài lương theo ngạch, bậc, theo cấp bậc chuyên môn, nghiệp vụ và điều kiện làm việc khó khăn, nguy hiểm, độc hại theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện quy định về khen thưởng đối với cán bộ CCVC trong thực thi công vụ, có chế độ tiền thưởng hợp lý đối với cán bộ CCVC hoàn thành xuất sắc công vụ.

i) Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

a) Hoàn thiện các quy định về quản lý tài chính thuộc thẩm quyền của Bộ theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý, phân bổ ngân sách, sử dụng kinh phí hành chính, kinh phí đầu tư xây dựng, triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dịch vụ công.

b) Triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp thực hiện dịch vụ công; tiếp tục thực hiện đổi mới quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo quy định của nhà nước.

c) Thực hiện cơ chế tài chính mới theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đào tạo, khuyến nông, khuyến ngư, các chương trình, dự án của ngành; thực hiện xã hội hoá huy động nguồn lực tài chính trong các hoạt động đầu tư nghiên cứu khoa học, chuyển giao và các hoạt động khác.

d) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính công.

6. Hiện đại hoá hành chính

a) Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của Bộ trên Internet, ứng dụng CNTT truyền thông phục vụ công tác quản lý và điều hành của Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ để đến năm 2020 có 90% các văn bản, tài liệu được thực hiện dưới dạng điện tử, CCVC thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc, đảm bảo dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong đơn vị, các giao dịch được thực hiện trong môi trường điện tử mọi lúc, mọi nơi; hầu hết các dịch vụ công được cung cấp

trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và Trang thông tin điện tử của các đơn vị ở mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành có khả năng kết nối từ Bộ, các đơn vị thuộc Bộ đến cơ sở; xây dựng hệ thống thông tin thị trường có hiệu quả để hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh và hoạch định chính sách phát triển ngành nông nghiệp và PTNT.

b) Ứng dụng CNTT truyền thông trong quy trình xử lý công việc trong nội bộ đơn vị, trong giao dịch với các cơ quan đơn vị khác và trong giao dịch với người dân, doanh nghiệp đặc biệt là trong hoạt động phục vụ hành chính công, dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công.

c) Công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên mạng thông tin điện tử của Bộ và các đơn vị; xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa các đơn vị, tổ chức và cá nhân đáp ứng yêu cầu đơn giản và cải cách TTHC.

d) Thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO trong khối cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ theo quy định.

đ) Thực hiện triển khai Trung tâm thông tin cấp xã, hệ thống thông tin khuyến nông và thị trường để thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin hai chiều giữa người dân, doanh nghiệp và các cấp quản lý hành chính

e) Từng bước hiện đại hoá công sở cơ quan Bộ, các đơn vị thực Bộ theo tiêu chuẩn của Chính phủ về hiện đại hoá nền hành chính và điều kiện thực tế của Bộ.

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình cải cách hành chính (2011-2020) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chia làm 2 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1 (2011-2015): trọng tâm CCHC là xây dựng, hoàn thiện thể chế, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ CCVC và cải cách TTHC phù hợp với việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và PTNT, các mục tiêu cụ thể phải đạt đến năm 2015, bao gồm:

a) Kiện toàn tổ chức hệ thống quản lý nhà nước từ Bộ đến cơ sở, tổ chức bộ máy gọn nhẹ hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

b) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với giai đoạn mới; hạn chế chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Bộ; 50% các đơn vị thuộc Bộ có cơ cấu công chức viên chức theo vị trí việc làm.

c) Thực hiện phân cấp hợp lý giữa Bộ với các đơn vị trực thuộc và địa phương, phân định rõ thẩm quyền trách nhiệm phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao; quản lý điều hành công việc của Bộ tập trung thống nhất, trực tuyến, đảm bảo hiệu lực hiệu quả.

d) Thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ đơn giản; thống kê, công khai TTHC trong

phạm vi quản lý của Bộ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ, cơ sở dữ liệu quốc gia.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được thực hiện trên mạng điện tử; 100% cơ quan, đơn vị trong ngành có Trang thông tin điện tử (Website) cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định. Cổng thông tin điện tử của Bộ được kết nối với Cổng thông tin điện tử Chính phủ; cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và cung cấp tối thiểu 20 nhóm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên theo yêu cầu của Chính phủ.

e) Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công thực hiện cơ chế “một cửa” tại các đơn vị, xây dựng cơ chế “một cửa liên thông” của Bộ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ đạt mức trên 60%.

- Tham gia thực hiện thí điểm cơ chế hải quan một cửa quốc gia từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2014;

- Tăng cường xã hội hoá các dịch vụ công cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ hoặc doanh nghiệp đảm nhận.

g) Đẩy mạnh xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 vào hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ, hoàn thành trước 31/12/2012 và được duy trì áp dụng có hiệu quả theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

h) Thực hiện áp dụng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC (Par index);

i) Cải tiến phương thức quản lý, lề lối làm việc của cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; thực hiện chương trình hoá công tác, quy chế hoá công vụ trong chỉ đạo điều hành của Bộ và các đơn vị; xây dựng, ban hành Bộ Quy chế công vụ của Bộ.

2. Giai đoạn 2 (2016-2020) gồm các mục tiêu sau :

a) Hoàn thiện thể chế theo quy định của Chính phủ.

b) Hệ thống các cơ quan, đơn vị quản lý ngành từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

c) Thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ được cải cách cơ bản, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 80% vào năm 2020.

d) Đến năm 2020 đội ngũ cán bộ CCVC thuộc Bộ, ngành có số lượng, cơ cấu hợp lý đủ trình độ năng lực thi hành công vụ; 100% các cơ quan đơn vị thuộc Bộ có cơ cấu công chức viên chức theo vị trí việc làm.

đ) Đến năm 2020, tiền lương của cán bộ CCVC được cải cách cơ bản thực hiện thang, bảng lương và các chế độ phụ cấp mới theo quy định.

e) Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính thuộc Bộ đạt mức trên 80% vào năm 2020.

g) Đến năm 2020, việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động của các cơ quan đơn vị thuộc Bộ đạt mục tiêu quy định tại điểm a) khoản 6, mục II của Chương trình này.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, triển khai cải cách hành chính của Bộ đối với các cơ quan đơn vị.

- Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Chương trình CCHC của Bộ giai đoạn 2011-2020 để xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và Kế hoạch CCHC hàng năm.

- Đảng uỷ Bộ, BCH Công đoàn cơ quan Bộ và Đoàn TNCS Bộ có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ và tổ chức đoàn thể trực thuộc tăng cường vai trò lãnh đạo và phối hợp thực hiện Chương trình. Các cấp uỷ đảng trong các cơ quan đơn vị thuộc Bộ trực tiếp lãnh đạo chính quyền và tổ chức đoàn thể quán triệt mục tiêu yêu cầu nhiệm vụ của Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình, Kế hoạch CCHC của Bộ trong đơn vị mình và triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định.

- Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm của đơn vị theo quy định.

2. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ CCVC bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả; quy định rõ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; tiếp tục ban hành văn bản quy định về chức danh, tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm; tăng cường công khai minh bạch, trách nhiệm hoạt động công vụ. Có chế độ đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ CCVC hoàn thành tốt nhiệm vụ và loại bỏ, bãi miễn người không hoàn thành nhiệm vụ.

3. Kiện toàn hệ thống tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC; xây dựng quy định về thực hiện Chương trình CCHC giai đoạn 2011-2020. Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ CCVC làm công tác CCHC; đồng thời có chế độ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ trực tiếp và công chức chuyên trách thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC của Bộ và đơn vị thuộc Bộ.

4. Thường xuyên kiểm tra đánh giá việc triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh CCHC.

- Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Nội vụ, xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của Bộ.

- Quy định kết quả thực hiện CCHC là tiêu chí để đánh giá thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ CCVC của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ.

5. Phát triển đồng bộ và song hành, tương hỗ ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đối với CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan đơn vị, của cán bộ CCVC trong thực thi công vụ và cá nhân, doanh nghiệp tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của CCVC.

6. Đảm bảo kinh phí cho thực hiện Chương trình theo quy định; khuyến khích huy động theo quy định của pháp luật nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai Chương trình.

7. Thực hiện kịp thời chính sách tiền lương và quy định về thi đua khen thưởng để cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công vụ có chất lượng và hiệu quả cao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị

a) Chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch hàng năm của đơn vị theo quy định và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch CCHC về Bộ (qua Văn phòng Thường trực CCHC) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

c) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các dự án (nếu có), kế hoạch, nhiệm vụ CCHC theo kế hoạch hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

a) Chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011-2015 của Bộ, thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác CCHC của Bộ (Văn phòng Thường trực CCHC).

- Trên cơ sở hướng của Bộ Nội vụ, phối hợp với Vụ Tài chính hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch CCHC và dự toán ngân sách hàng năm.

- Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện kế hoạch; xây dựng báo cáo CCHC quý, 6 tháng và hàng năm về tình hình thực hiện CCHC của các đơn vị thuộc Bộ.

- Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Nội vụ, xây dựng trình Bộ phê duyệt Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của Bộ.

- Chủ trì triển khai công tác truyền thông CCHC của Bộ; tiếp tục duy trì và nâng cấp chuyên trang thông tin về CCHC của Bộ;

- Trình Bộ trưởng quyết định các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm tra thực hiện CCHC của Bộ, các đơn vị. Đề xuất xử lý những vấn đề phát sinh, khen thưởng kịp thời chính xác những đơn vị cá nhân có thành tích; phê bình, kỷ luật những đơn vị, cá nhân thực hiện không nghiêm túc công tác CCHC.

b) Chủ trì xây dựng và triển khai nội dung cải cách TTHC của Bộ; tiếp nhận, xử lý những vướng mắc kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về TTHC; xây dựng, vận hành chuyên trang về kiểm soát TTHC (Phòng Kiểm soát TTHC).

3. Trách nhiệm của Vụ Tài chính

- Chủ trì triển khai thực hiện nội dung cải cách tài chính công của Bộ.

- Căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và các chế độ tài chính hiện hành, hướng dẫn các cơ quan đơn vị xây dựng kế hoạch kinh phí để thực hiện kế hoạch nhiệm vụ CCHC.

- Thẩm tra các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách CCHC hàng năm của các đơn vị về mục tiêu, nội dung trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bố trí đủ vốn sự nghiệp từ ngân sách đối với các chương trình, dự án, đề án,

kế hoạch nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm về CCHC của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ.

4. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy hành chính và nội dung xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, CCCV.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị tổ chức thực hiện phong trào thi đua thực hiện Chương trình CCHC; sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong xét thi đua khen thưởng đối với tập thể, cá nhân; bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo...

5. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế; chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật nông nghiệp và PTNT, trước hết là cải tiến quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, đảm bảo tính hợp pháp hợp lý, đồng bộ và khả thi của hệ thống văn bản trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

6. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính tổng hợp, trình Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính quyết định việc bố trí đủ vốn đầu tư phát triển cho các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch nhiệm vụ CCHC trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ.

7. Trách nhiệm của Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ trì xây dựng các chương trình, dự án quốc tế phục vụ chương trình CCHC của Bộ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đề xuất nhà tài trợ đối với các đơn vị có dự án (có nội dung đan xen) hỗ trợ chương trình CCHC của đơn vị.

8. Vụ Khoa học công nghệ và môi trường

- Phối hợp với Vụ Tài chính thực hiện đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ theo chương trình.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học và thống kê, Văn phòng Bộ kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015 với Chương trình CCHC của Bộ./.

